TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN **THANH O , TP. H N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày: 20.7.2018
V/v:Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN HUYỆN THANH O – THÀNH PHỐ H N
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Tiến Dũng*
- Các hội thẩm nhân dân:
+ Ông Lê Huy Trọng
+ Bà Nguyễn Thị Nguyệt
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Lý– Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O , thành phố H N tham gia phiên toà*:** Bà Dương Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh O xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2016/ DSST ngày 17/11/2016 về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-DS ngày 12/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HPT ngày 29/6/2018, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:**

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương V N ; Địa chỉ: 191 Bà Tr , Lê Đại H , quận Hai Bà Tr , H N .

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A ; chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Công H ; Chức vụ; Cán bộ xử lý nợ. (Có mặt)

***Bị đơn**:

1/Ông Nguyễn Huy S , sinh năm 1965 (Vắng mặt)
2/Bà Đoàn Thị Th , sinh năm 1965 (Vắng mặt)
Cùng trú tại: xóm L , thôn Thanh Th , xã Thanh C , huyện Thanh O , Tp. H N

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

- Bà Lê Thị Nh , sinh năm 1933 (Vắng mặt)
-Chị Nguyễn Thị Thanh H , sinh năm 1988 (Vắng mặt)
-Anh Nguyễn Huy N , sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Cùng trú tại: xóm L , thôn Thanh Th , xã Thanh C , huyện Thanh O , Tp. H N .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của ngân hàng TMCP Kỹ Thương V N - ông Nguyễn Công H trình bày:

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương V Na và ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 11213/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 01/04/2011và Khế ước nhận nợ số 11213 ngày 06/04/2011 với nội dung cụ thể:

Số tiền vay: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng)

Mục đích vay: Tiêu dùng thế chấp BĐS

Thời hạn vay: 180 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên

Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 06/4/2026

Lãi suất vay áp dụng: Theo Hợp đồng tín dụng số 11213/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 01/04/2011và Khế ước nhận nợ số 11213 ngày 06/04/2011.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th đã trả được cho Ngân hàng một phần nợ gốc và tiền lãi, cụ thể tính đến ngày 20/7/2018: đã trả được 222.240.000 đồng nợ gốc và 560.009.446 đồng nợ lãi

Đến ngày 20/7/2018, ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th còn nợ Ngân hàng TMCP Kỹ thương V N tổng số nợ là: 1.394.273.386 đồng gồm nợ gốc là: 777.760.000 đồng và nợ lãi là 616.513.386 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là: 365.572.681 đồng, nợ lãi quá hạn là 102.709.716 đồng, lãi phạt 148.230.988 đồng.

Để đảm bảo khoản vay nêu trên ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th đã thế chấp tài sản của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Huy S, bà Đoàn Thị Th tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương V N

Cụ thể ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 1767.2011/HĐTC-TCB ngày 01/04/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng L thành phố H N để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 333, tờ bản đồ số 11, diện tích 180m^2, mục đích sử dụng: T, thời hạn sử dụng: lâu dài ,tại địa chỉ: xóm L , thôn Thanh Th , xã Thanh C , huyện Thanh O , tỉnh H T cũ (nay là Tp. H N) để đảm bảo cho khoản vay của ông S , bà Th tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương V N.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S , bà Th đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết. Ngân hàng đã gửi thông báo gia hạn, công văn yêu cầu trả nợ và yêu cầu ông S , bà Th bàn giao tài sản để bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng ông S , bà Th đều không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng. Ngân hàng TMCP kỹ Thương V N đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng theo đúng quy định.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S , bà Th phải trả nợ cho ngân hàng tính đến ngày 20/7/2018 tổng số nợ là: 1.394.273.386 đồng gồm nợ gốc là: 777.760.000 đồng và nợ lãi là 616.513.386 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là: 365.572.681 đồng, nợ lãi quá hạn là 102.709.716 đồng, lãi phạt 148.230.988 đồng. Ông S và bà Th không trả được nợ thì phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày kế tiếp ngày xét xử sơ thẩm.

Trong trường hợp ông S , bà Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp là: Toàn bộ tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 333, tờ bản đồ số 11, diện tích 180m^2, mục đích sử dụng: T, thời hạn sử dụng: lâu dài ,tại địa chỉ: xóm L , thôn Thanh Th , xã Thanh C , huyện Thanh O , tỉnh H T cũ (nay là Tp. H N); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P395817 do UBND huyện Thanh O , tỉnh H T (cũ) cấp ngày 19/10/2001, đã chính

đính thông tin chủ sử dụng đất ngày 25/02/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thanh O, thành phố H N mang tên ông Nguyễn Huy S .

**Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th là bị đơn trình bày*

Đúng là có việc năm 2011, ông S , bà Th có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ Thương V N số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Ngân hàng đã giải ngân với số tiền trên. Quá trình trả nợ ông S , bà Th đã trả được 222.240.000 đồng nợ gốc và 560.009.446 đồng nợ lãi theo như Ngân hàng trình bày là đúng. Vì điều kiện ông S , bà Th làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho ngân hàng, nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ tính đến ngày 20/7/2018 với tổng số nợ là: 1.394.273.386 đồng gồm nợ gốc là: 777.760.000 đồng và nợ lãi là 616.513.386 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là: 365.572.681 đồng, nợ lãi quá hạn là 102.709.716 đồng, lãi phạt 148.230.988 đồng thì ông S , bà Th đề nghị ngân hàng xem xét miễn một phần tiền lãi để có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng.

Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP kỹ thương V N , ông S , bà Th đã thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 333, tờ bản đồ số 11, diện tích 180m^2, tại địa chỉ: xóm L , thôn Thanh Th , xã Thanh C huyện Thanh O , tỉnh H T cũ (nay là Tp. H N); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P395817 do UBND huyện Thanh O , tỉnh H T (cũ) cấp ngày 19/10/2001, đã chính đính thông tin chủ sử dụng đất ngày 25/02/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thanh O , thành phố H N mang tên ông Nguyễn Huy S .

Nay Ngân hàng TMCP kỹ thương V N khởi kiện yêu cầu ông S , bà Th thanh toán khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng thì ông bà nhất trí tiền gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, còn tiền lãi phạt đề nghị ngân hàng xem xét miễn.

**Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

1/ *Bà Lê Thị Nh trình bày* :

Bà là mẹ đẻ của ông Nguyễn Huy S , khi ông S , bà Th vay vốn ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương V N và thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 333, tờ bản đồ số 11, diện tích 180m^2,tại địa chỉ: xóm L , thôn Thanh Th , xã Thanh C , huyện Thanh O , tỉnh H T (cũ), để đảm bảo cho khoản vay của ông S , bà Th tại Ngân hàng thì bà hoàn toàn không được biết. Việc Ngân hàng khởi kiện ông S , bà Th tại Tòa án thì bà có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho bà.

2/ *Chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày*:

- Chị là con gái của ông S và bà Th . Chị không có liên quan đến khoản vay của bố mẹ chị tại Ngân hàng và không có ý kiến gì về việc này. Tại biên bản ghi lời khai, chị có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, quá trình tố tụng chị xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và phiên tòa xét xử.

3/ Anh Nguyễn Huy N trình bày:

Anh là con trai của ông S và bà Th . Anh không có liên quan đến khoản vay của bố mẹ tại Ngân hàng và không có ý kiến gì về việc này. Tại biên bản ghi lời khai, anh có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, quá trình tố tụng anh N xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và phiên tòa xét xử.

***Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O phát biểu ý kiến:**

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

* *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, xử: chấp nhận các yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Kỹ Thương V N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà

[1]. *Về tố tụng:* Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Kỹ Thương V N với ông S và bà Th là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh O , Thành phố H N .

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Lê Thị Nh, chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Huy N vắng mặt tại phiên toà nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Kỹ Thương V N và ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 11213/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 01/04/2011và Khế ước nhận nợ số 11213 ngày 06/04/2011 với số tiền giải ngân là: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng), Mục đích vay: Tiêu dùng thế chấp BĐS, Lãi suất vay áp dụng: Theo Hợp đồng tín dụng số 11213/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 01/04/2011 và Khế ước nhận nợ số 11213

- *Về nội dung, hình thức*: Hợp đồng tín dụng số 11213/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 01/04/2011 và Khế ước nhận nợ số 11213 ngày 06/04/2011 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP kỹ thương V N và ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định tại Điều 17 quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHHH ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Do vậy, hợp đồng tín dụng nói trên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Huy S và bà Đoàn Thị Th không thực hiện việc trả nợ đúng như cam kết trong hợp đồng tín dụng, nhiều lần ngân hàng thông báo ông S và bà Th trả nợ nhưng ông S và bà Th vẫn không thực hiện việc trả nợ nên Ngân hàng TMCP kỹ thương V N yêu cầu ông S và bà Th phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 20/7/2018 tổng số nợ là: 1.394.273.386 đồng gồm nợ gốc là: 777.760.000 đồng và nợ lãi là 616.513.386 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là: 365.572.681 đồng, nợ lãi quá hạn là 102.709.716 đồng, lãi phạt 148.230.988 đồng là có căn cứ.

Tại phiên toà đại diện ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông S , bà Th phải trả số tiền lãi phạt là 148.230.988 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện, hoàn toàn phù hợp qui định của pháp luật cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ngân hàng về khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến ngày thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc là có căn cứ phù hợp với các điều khoản các bên đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng số 11213/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 01/04/2011 nên buộc ông S và bà Th tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng số 11213/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 01/04/2011 kể từ ngày 21/7/2018 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc cho ngân hàng.

Ông S , bà Th thừa nhận toàn bộ số nợ gốc và lãi như yêu cầu của Ngân hàng, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian 2 năm để ông bà trả nợ, yêu cầu tạo điều kiện về thời gian ông S , bà Th không được đại diện theo uỷ quyền của ngân hàng chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo xét thấy: Khi ký kết hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận biện pháp bảo đảm được quy định tại điều 3 của hợp đồng tín dụng. Cụ thể việc thế chấp như sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 1767.2011/HĐTC-TCB ngày 01/04/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng L thành phố H N để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 333, tờ bản đồ số 11, diện tích 180m^2, mục đích sử dụng: T, thời hạn sử dụng: lâu dài ,tại địa chỉ: xóm L , thôn Thanh Th , xã Thanh C , huyện Thanh O , tỉnh H T cũ (nay là Tp. H N) để đảm bảo cho khoản vay của ông S bà Th tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương V N .

Xét hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông Sáng, bà Thiết với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương V N thấy hai bên ký kết một cách tự nguyện, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng các quy định tại Điều 319, 342, 343, 344, 347,715,716,717,719 Bộ Luật Dân sự 2005; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, thì thỏa thuận Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 1767.2011/HĐTC-TCB ngày 01/04/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng L thành phố H N có hiệu lực thi hành. Yêu cầu của Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp ông S , bà Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

**Về án phí:* Ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Ngân hàng TMCP kỹ thương V N không phải chịu án phí, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp.

**Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên.*

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 26; Điều 30; Điều 35; Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 106, Điều 130 Luật Đất đai 2003;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2011;

Căn cứ các Điều 319, 342, 343, 344, 347,715,716,717,719 Bộ Luật Dân sự 2005;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CPngày 29/10/2004 và Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ thương V N đối với ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th .

2. Buộc ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ thương V N số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số:11213/HĐTD/TH-TN/TCB-SGOngày 01/04/2011 tính đến ngày 20/7/2018 tổng số tiền là **1.246.042.398** đồng (*Một tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi hai ngàn, ba trăm chín tám đồng*), trong đó: nợ gốc là **777.760.000** đồng *(Bảy trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng)* và nợ lãi là **468.282.398** đồng *(Bốn trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm tám mươi hai ngàn, ba trăm chín tám đồng)*, trong đó nợ lãi trong hạn là: **365.572.681** đồng *(Ba trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm bảy hai ngàn, sáu trăm tám mốt đồng)*, nợ lãi quá hạn là **102.709.716** đồng *(Một trăm lẻ hai triệu, bảy trăm lẻ chín ngàn, bảy trăm mười sáu đồng)*

Kể từ ngày 21/7/2018, ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 11213/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 01/04/2011 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ thương V N .

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Huy S , bà Đoàn Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ thương V N được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 333, tờ bản đồ số 11, diện tích 180m^2 tại địa chỉ: xóm L , thôn Thanh Th , xã Thanh C , huyện Thanh O , thành phố H N ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P395817 do UBND huyện Thanh O , tỉnh H T *(cũ)* cấp ngày 19/10/2001, đã chính đính thông tin chủ sử dụng đất ngày 25/02/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thanh O , thành phố H N mang tên ông Nguyễn Huy S.

4.*Về án phí*: Ông Nguyễn Huy S và bà Đoàn Thị Th phải nộp 49.300.000đồng *(bốn mươi chín triệu ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.*

-Trả lại Ngân hàng TMCP kỹ thương V N toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 18.800.000đ (mười tám triệu tám trăm ngàn đồng),theo biên lai thu số 01533 ngày 17.11.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh O , thành phố H N .

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án ngày 20.7.2018.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

-Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Tiến Dũng

Nơi nhận:
- *VKSND huyện*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS*